

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU TƯ NĂM 2020

1. Ngày 17/6/2020, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật đầu tư số 61/2020/QH14, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 (Luật Đầu tư 2020), thay thế cho Luật Đầu tư năm 2014. Sự ra đời của Luật Đầu tư 2020 mở ra môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài. Đối với lĩnh vực quản lý đầu tư nước ngoài, Luật có một số điểm mới quan trọng như:

- Điều chỉnh Danh mục ngành nghề cấm kinh doanh và kinh doanh có điều kiện; bổ sung Danh mục ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

- Minh bạch hóa điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài; sửa đổi quy định về thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài.

- Mở rộng quyền tự chủ của nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án đầu tư như: điều chỉnh mục tiêu, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư, sáp nhập các dự án hoặc chia, tách một dự án thành nhiều dự án, sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản trên đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn thành lập doanh nghiệp, hợp tác kinh doanh hoặc các nội dung khác và phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quy định cụ thể nguyên tắc thực hiện dự án đầu tư: Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Đầu tư, pháp luật về quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, phòng cháy và chữa cháy, quy định khác của pháp luật có liên quan, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có) và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.

2. Hiện nay, dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư năm 2020 đang được hoàn thiện để trình Thủ tướng Chính phủ ký, ban hành. Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Thông tư hướng dẫn biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam để áp dụng ngay sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành.

Ngày 31/12/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 8909/BKHĐT-PC về việc triển khai thi hành Luật Đầu tư, hướng dẫn UBND, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các KCN, KCX, KKT các tỉnh một số lưu ý khi thực hiện Luật Đầu tư từ 01/01/2021. Công văn có một số hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư 2020, giải quyết hồ sơ dự án đầu tư tiếp nhận trước ngày Luật đầu tư năm 2020 có hiệu lực thi hành; hướng dẫn một số mẫu biểu thực hiện thủ tục đầu tư.

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các KCN tỉnh Hải Dương thống nhất áp dụng ngay các quy định, biểu mẫu trong quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư tại Ban, đã có thông báo gửi các doanh nghiệp đề nghị lưu ý thực hiện các quy định sau:.

1. Về hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư

1.1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 34 và khoản 1 Điều 35 Luật Đầu tư năm 2020.

b) Cơ quan đăng ký đầu tư tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Đầu tư năm 2020.

1.2. Hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư được quy định tại Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

1.3. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định tại các Điều 34, 35 và 36 Luật Đầu tư năm 2020.

2. Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

2.1. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được quy định tại Điều 39 Luật Đầu tư năm 2020.

2.2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư.

2.3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật Đầu tư năm 2020.

2.4. Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư tiếp tục thực hiện thủ tục đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (trước đây là Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài) đã được thiết lập và vận hành trong thời gian qua.

3. Thủ tục đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp:

3.1. Nhà đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế phải đáp ứng các điều kiện và thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 26 Luật Đầu tư năm 2020.

3.2. Thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp được thực hiện như sau:

3.2.1. Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư nội bộ 01 bộ hồ sơ đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp cho cơ quan đăng ký đầu tư nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

Trường hợp đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Đầu tư, căn cứ văn bản chấp thuận của Cơ quan đăng ký đầu tư, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thực hiện thủ tục thay đổi thành viên, cổ đông tại cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.

3.2.2. Hồ sơ đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp gồm:

a) Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp; ngành, nghề kinh doanh; danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; giá trị giao dịch của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có);

b) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp;

c) Văn bản thỏa thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế nhận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp;

d) Văn bản kê khai (kèm theo bản sao) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế nhận vốn góp, cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài (đối với trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 24 Luật Đầu tư năm 2020). Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của việc kê khai.

4. Ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài:

4.1. Ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài được quy định tại Điều 9 Luật Đầu tư năm 2020.

4.2. Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài được xem xét theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành (gồm luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ) và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Lê Thị Liên – CV Phòng Quản lý đầu tư